



ASEAN SECURITIES
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ASEAN

BÁO CÁO CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Duy trì trạng thái thận trọng

ASEANSC Research | 01-06-2026



MỤC LỤC



1

Nhận định thị trường chứng khoán:

3

VN Index chịu áp lực cung quanh vùng đỉnh lịch sử

2

Chiến lược giao dịch ngắn hạn:

4

Ưu tiên cổ phiếu thu hút dòng tiền

3

Chiến lược theo câu chuyện và dòng tiền:

7

Phân bổ vốn hợp lý

4

Chiến lược đầu tư năm 2026:

23

Tiếp tục tích lũy, gom mua cổ phiếu

1. NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

➤ **VN-Index ghi nhận tuần điều chỉnh thứ hai sau khi lập đỉnh lịch sử mới. Chỉ số kết tuần quanh mức 1.863,49 điểm, giảm 0,73% so với thứ Sáu liền trước.** Sắc đỏ tiếp tục chiếm ưu thế trên toàn thị trường, trong đó áp lực bán lớn nhất chủ yếu thuộc về các nhóm Công nghệ, Bán lẻ và Hóa chất.

➤ **Trong ngắn hạn, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục biến động rung lắc trong thời gian tới.** Nhà giao dịch Trading nên ưu tiên các cổ phiếu đang nhận được sự ưu tiên của dòng tiền lớn bên cạnh các thông tin hỗ trợ (KQKD khả quan, cổ tức tiền mặt, tăng vốn, thoái vốn,...)

➤ **Trong trung hạn, thị trường chứng khoán nhiều khả năng sẽ duy trì xu thế tăng trưởng với nhiều động lực hỗ trợ.** Theo đó, Quốc hội đã thông qua kế hoạch tăng trưởng GDP 2026F của Việt Nam đạt từ 10% trở lên, đồng nghĩa với chính sách vĩ mô nơi lỏng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Thêm vào đó, định giá thị trường vẫn đang thấp hơn đáng kể so với chu kỳ “bơm tiền” 2020 – 2021. Chúng tôi nhận định VN Index sẽ dao động quanh vùng 1.900 – 2.000 điểm trong năm 2026 dựa trên tăng trưởng lợi nhuận toàn thị trường bên cạnh mẫu hình sóng Elliot của VN-Index.

VN Index chịu áp lực cung quanh vùng đỉnh lịch sử



Nguồn: Fireant, ASEANSC Research tổng hợp

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

- **Nhà giao dịch ngắn hạn tham khảo danh sách cổ phiếu tiềm năng được cung cấp bởi ASEANSC Research để tìm kiếm cơ hội Trading.** Các cổ phiếu trong danh sách được lựa chọn theo các công cụ kỹ thuật mà chúng tôi xây dựng (Siêu chỉ báo, Đột biến khối lượng, Phân kỳ tăng giá, v.v) trong đó ưu tiên tìm kiếm các đại diện đang nhận được sự quan tâm của dòng tiền lớn.
- **Nhà giao dịch ngắn hạn không nên thực hiện all-in cho một cổ phiếu mà cần đa dạng hóa dựa theo khẩu vị rủi ro của bản thân nhà đầu tư.**
- **Nhà đầu tư nên cân nhắc điểm mua tại các nhịp điều chỉnh hoặc các nền tích lũy của cổ phiếu, đồng thời cần hạn chế tâm lý FOMO mua đuổi tại các giai đoạn cổ phiếu kéo giá liên tục.**
- **Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5% (tính trên giá mua của nhà đầu tư).**
- **Nhà đầu tư tham khảo trạng thái margin đề xuất để xem xét sử dụng margin (vốn vay) tại các giai đoạn thị trường thuận lợi.** Các mức đề xuất của chúng tôi gồm có: (i) Không sử dụng, (ii) Thấp (10% - 30%), (iii) Trung bình (30% - 50%), (iv) Cao (>50%).
- **Thời gian nắm giữ cổ phiếu trong danh mục từ T+3 đến T+10.**
- **Hệ số Beta thể hiện tính biến động của cổ phiếu so với thị trường.** Chẳng hạn Beta >1 có nghĩa cổ phiếu này có độ biến động cao hơn so với thị trường chung.



Nguồn: ASEANSC tổng hợp

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

Danh sách cổ phiếu Trading cho tuần 01/06/2026 – 05/06/2026

| Cổ phiếu | Ngành | Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ) | Vùng mục tiêu kỳ vọng (1.000 đ) | Tỷ lệ Margin đề xuất |
|----------|-------------|----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|
| HDB | Ngân hàng | 24 – 25 | 27 +/- | Thấp (10% - 30%) |
| ACB | Ngân hàng | 23 – 24 | 26 +/- | |
| SHS | Chứng khoán | 17 – 18 | 19 +/- | |
| GVR | Cao su | 33 – 34 | 36 +/- | |
| BSR | Dầu khí | 27 – 28 | 30 +/- | |
| PAN | Xuất khẩu | 23 – 24 | 26 +/- | |

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%

2. CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH NGẮN HẠN

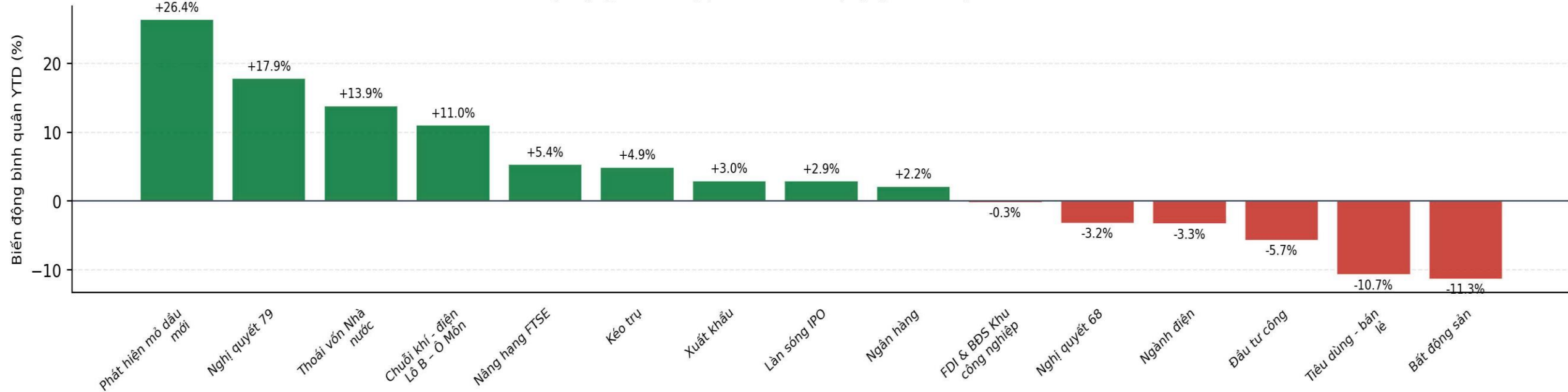
Hiệu suất danh mục Trading cho tuần 25/05/2026 – 29/05/2026

| Cổ phiếu | Ngành | Vùng mua kỳ vọng (1.000 đ) | Biến động trong tuần |
|----------|-------------|----------------------------|----------------------|
| VCB | Ngân hàng | 61 – 62 | N/A |
| CTG | Ngân hàng | 33 – 34 | 0% |
| HDB | Ngân hàng | 24 – 25 | 0,19% |
| HCM | Chứng khoán | 26 – 27,5 | N/A |
| GVR | Cao su | 33 – 34 | N/A |
| BSR | Dầu khí | 27 – 28,5 | 0,17% |

* Mức dừng lỗ tối đa cho mỗi giao dịch là -5%

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Xếp hạng câu chuyện theo biến động giá bình quân từ đầu năm



3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Thoái vốn Nhà nước và cổ phần hóa

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| PLX | 23 | (88) | (66) | 7% | 5% | 12.939 | 31,0 | 1,8 |
| VNM | 55 | 16 | 71 | 28% | 1% | 20.900 | 12,1 | 3,4 |
| BVH | (68) | (13) | (81) | 18% | 20% | 7.423 | 12,0 | 2,0 |
| POW | 136 | (41) | 95 | 10% | 29% | 30.678 | 12,6 | 0,9 |
| VGC | (18) | (14) | (31) | 14% | 12% | 4.484 | 14,8 | 1,6 |
| GAS | 260 | 33 | 293 | 17% | 12% | 24.129 | 17,7 | 2,9 |
| BSR | 547 | (120) | 428 | 21% | 192% | 50.073 | 11,4 | 2,2 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 68 - Phát triển kinh tế tư nhân

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|---------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| FPT | (1.968) | (199) | (2.166) | 27% | 20% | 17.035 | 13,2 | 3,2 |
| HDB | 789 | (1) | 788 | 24% | 28% | 50.053 | 7,3 | 1,5 |
| GMD | 7 | (90) | (84) | 16% | 44% | 4.265 | 17,4 | 2,0 |
| DGW | (26) | 21 | (5) | 19% | 1640% | 2.213 | 14,1 | 2,5 |
| PNJ | 13 | 39 | 52 | 28% | 31% | 3.413 | 6,1 | 1,5 |
| REE | (26) | 2 | (25) | 13% | 15% | 5.417 | 25,2 | 1,1 |
| VPB | 588 | (47) | 541 | 16% | 35% | 79.339 | 8,1 | 1,1 |
| ACB | 3.076 | 8 | 3.084 | 17% | 14% | 51.367 | 7,2 | 1,2 |
| TCB | 1.005 | (94) | 911 | 15% | 10% | 70.862 | 8,2 | 1,2 |
| MWG | (998) | 62 | (935) | 25% | 525% | 14.697 | 14,3 | 3,3 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Phát hiện mỏ dầu lớn (Hai Su Vang) - Chu kỳ offshore mới

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| PLX | 23 | (88) | (66) | 7% | 5% | 12.939 | 31,0 | 1,8 |
| OIL | (37) | 0 | (36) | 9% | -10% | 2.014 | 17,6 | 1,3 |
| GAS | 260 | 33 | 293 | 17% | 12% | 24.129 | 17,7 | 2,9 |
| PVS | 19 | 13 | 31 | 13% | 31% | 5.114 | 10,7 | 1,2 |
| PVD | (68) | (50) | (118) | 7% | -224% | 5.563 | 14,8 | 1,0 |
| BSR | 547 | (120) | 428 | 21% | 192% | 50.073 | 11,4 | 2,2 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Nghị quyết 79 - Phát triển kinh tế nhà nước

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| PLX | 23 | (88) | (66) | 7% | 5% | 12.939 | 31,0 | 1,8 |
| GVR | (66) | (26) | (92) | 12% | 7% | 40.000 | 21,5 | 2,2 |
| BVH | (68) | (13) | (81) | 18% | 20% | 7.423 | 12,0 | 2,0 |
| POW | 136 | (41) | 95 | 10% | 29% | 30.678 | 12,6 | 0,9 |
| BID | (382) | (16) | (398) | 18% | 31% | 72.801 | 9,7 | 1,6 |
| GAS | 260 | 33 | 293 | 17% | 12% | 24.129 | 17,7 | 2,9 |
| BSR | 547 | (120) | 428 | 21% | 192% | 50.073 | 11,4 | 2,2 |
| VCB | (399) | 164 | (235) | 16% | 13% | 83.557 | 14,8 | 2,3 |
| CTG | 157 | (171) | (15) | 22% | 25% | 77.669 | 7,1 | 1,4 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Tiêu dùng – Bán lẻ khởi sắc

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| VNM | 55 | 16 | 71 | 28% | 1% | 20.900 | 12,1 | 3,4 |
| DGW | (26) | 21 | (5) | 19% | 1640% | 2.213 | 14,1 | 2,5 |
| PNJ | 13 | 39 | 52 | 28% | 31% | 3.413 | 6,1 | 1,5 |
| MSN | (710) | 111 | (599) | 18% | 18% | 14.459 | 22,1 | 2,4 |
| FRT | 91 | (31) | 60 | 27% | -69% | 1.703 | 27,7 | 4,3 |
| MWG | (998) | 62 | (935) | 25% | 525% | 14.697 | 14,3 | 3,3 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện BĐS Khu công nghiệp khởi sắc

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| IDC | 45 | (17) | 28 | 28% | 70% | 3.795 | 8,9 | 1,9 |
| BCM | 26 | 30 | 56 | 15% | 26% | 10.350 | 16,5 | 2,5 |
| KBC | (255) | (25) | (280) | 6% | 112% | 9.418 | 17,9 | 1,1 |
| VGC | (18) | (14) | (31) | 14% | 12% | 4.484 | 14,8 | 1,6 |
| PHR | (38) | (22) | (60) | 17% | 7% | 1.355 | 13,0 | 2,0 |
| SZC | (64) | (83) | (147) | 7% | 6% | 1.800 | 18,8 | 1,4 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng Ngành Ngân hàng khả quan (Tín dụng duy trì cao, NIM ổn định, chất lượng tài sản cải thiện)

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|---------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| STB | (1.514) | (52) | (1.566) | 8% | 23% | 18.852 | 29,0 | 2,2 |
| HDB | 789 | (1) | 788 | 24% | 28% | 50.053 | 7,3 | 1,5 |
| BID | (382) | (16) | (398) | 18% | 31% | 72.801 | 9,7 | 1,6 |
| VPB | 588 | (47) | 541 | 16% | 35% | 79.339 | 8,1 | 1,1 |
| MBB | 199 | (31) | 168 | 21% | 20% | 80.550 | 7,1 | 1,3 |
| ACB | 3.076 | 8 | 3.084 | 17% | 14% | 51.367 | 7,2 | 1,2 |
| VCB | (399) | 164 | (235) | 16% | 13% | 83.557 | 14,8 | 2,3 |
| TCB | 1.005 | (94) | 911 | 15% | 10% | 70.862 | 8,2 | 1,2 |
| CTG | 157 | (171) | (15) | 22% | 25% | 77.669 | 7,1 | 1,4 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Đầu tư công & siêu chu kỳ hạ tầng

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| HPG | 768 | (550) | 219 | 16% | 3% | 76.755 | 9,6 | 1,4 |
| CTD | (132) | (49) | (181) | 9% | 169% | 1.140 | 9,3 | 0,8 |
| HHV | (27) | (3) | (30) | 6% | 24% | 5.472 | 9,7 | 0,5 |
| VCG | (146) | (36) | (182) | 36% | 112% | 6.465 | 3,2 | 1,1 |
| BMP | (13) | 0 | (13) | 42% | 73% | 819 | 9,1 | 3,6 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Ngành điện 2026: tăng tốc hạ tầng điện & nhu cầu 2 chữ số

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| POW | 136 | (41) | 95 | 10% | 29% | 30.678 | 12,6 | 0,9 |
| NT2 | 42 | (12) | 30 | 25% | 300% | 2.879 | 5,7 | 1,3 |
| TV2 | (6) | 1 | (6) | 6% | 211% | 3.583 | 12,1 | 0,7 |
| GEG | (26) | 2 | (25) | 13% | 15% | 5.417 | 25,2 | 1,1 |
| REE | (137) | (47) | (184) | 17% | 38% | 4.113 | 7,2 | 0,9 |
| PC1 | 136 | (41) | 95 | 10% | 29% | 30.678 | 12,6 | 0,9 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với Chuỗi khí - điện Lô B – Ô Môn: tăng tốc dự án trọng điểm, mở khóa backlog dầu khí & điện khí

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| POW | 136 | (41) | 95 | 10% | 29% | 30.678 | 12,6 | 0,9 |
| GAS | 260 | 33 | 293 | 17% | 12% | 24.129 | 17,7 | 2,9 |
| PVS | 19 | 13 | 31 | 13% | 31% | 5.114 | 10,7 | 1,2 |
| PVD | (68) | (50) | (118) | 7% | -224% | 5.563 | 14,8 | 1,0 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Trụ/bluechips thanh khoản đỡ thị trường

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|---------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| VCB | (399) | 164 | (235) | 16% | 13% | 83.557 | 14,8 | 2,3 |
| FPT | (1.968) | (199) | (2.166) | 27% | 20% | 17.035 | 13,2 | 3,2 |
| VNM | 55 | 16 | 71 | 28% | 1% | 20.900 | 12,1 | 3,4 |
| HPG | 768 | (550) | 219 | 16% | 3% | 76.755 | 9,6 | 1,4 |
| BID | (382) | (16) | (398) | 18% | 31% | 72.801 | 9,7 | 1,6 |
| TCB | 1.005 | (94) | 911 | 15% | 10% | 70.862 | 8,2 | 1,2 |
| CTG | 157 | (171) | (15) | 22% | 25% | 77.669 | 7,1 | 1,4 |
| VHM | (41) | (424) | (465) | 26% | 5% | 41.074 | 9,9 | 2,3 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Nâng hạng FTSE & cải cách thị trường

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|---------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| FPT | (1.968) | (199) | (2.166) | 27% | 20% | 17.035 | 13,2 | 3,2 |
| VNM | 55 | 16 | 71 | 28% | 1% | 20.900 | 12,1 | 3,4 |
| HPG | 768 | (550) | 219 | 16% | 3% | 76.755 | 9,6 | 1,4 |
| VPB | 588 | (47) | 541 | 16% | 35% | 79.339 | 8,1 | 1,1 |
| MBB | 199 | (31) | 168 | 21% | 20% | 80.550 | 7,1 | 1,3 |
| VCB | (399) | 164 | (235) | 16% | 13% | 83.557 | 14,8 | 2,3 |
| TCB | 1.005 | (94) | 911 | 15% | 10% | 70.862 | 8,2 | 1,2 |
| VHM | (41) | (424) | (465) | 26% | 5% | 41.074 | 9,9 | 2,3 |
| SSI | (668) | (37) | (705) | 14% | 17% | 24.931 | 13,1 | 1,5 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Bất động sản hồi phục (Pháp lý/bảng giá đất)

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| NLG | 51 | 16 | 67 | 6% | -2% | 4.851 | 16,6 | 0,7 |
| PDR | 465 | 39 | 504 | 5% | -9% | 9.978 | 26,0 | 1,2 |
| KDH | 198 | (86) | 112 | 9% | 17% | 11.222 | 20,5 | 1,2 |
| VHM | (41) | (424) | (465) | 26% | 5% | 41.074 | 9,9 | 2,3 |
| TCH | (73) | (48) | (121) | 2% | 13% | 9.121 | 67,2 | 0,9 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

Danh sách cổ phiếu tiềm năng với câu chuyện Ngành chứng khoán khả quan (Làn sóng IPO & tăng vốn & tài sản số)

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | |
|-------------|----------------------------------|-----------------|---------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB |
| VCK | 7 | (46) | (39) | 19% | 76% | 24.349 | 19,6 | 2,7 |
| TCX | 62 | (115) | (52) | 14% | 21% | 23.116 | 20,3 | 2,6 |
| VCI | (173) | (90) | (263) | 9% | 12% | 11.476 | 19,0 | 1,5 |
| MBS | 16 | 14 | 30 | 15% | 20% | 6.673 | 10,6 | 1,5 |
| VND | (1.806) | (54) | (1.860) | 11% | 5% | 15.223 | 12,2 | 1,2 |
| VIX | (193) | (51) | (244) | 26% | 209% | 24.503 | 10,9 | 1,4 |
| SHS | 153 | (51) | 102 | 11% | 68% | 8.995 | 12,6 | 1,3 |
| HCM | (353) | (57) | (410) | 10% | 5% | 10.808 | 22,9 | 2,0 |
| SSI | (668) | (37) | (705) | 14% | 17% | 24.931 | 13,1 | 1,5 |

3. CHIẾN LƯỢC THEO CÂU CHUYỆN VÀ DÒNG TIỀN

DANH SÁCH CỔ PHIẾU CÓ LỢI TỨC DỰ KIẾN $\geq 6\%$ (SẮP XẾP THEO TỶ LỆ LỢI TỨC)

| STT | Mã CP | Sàn GD | Lợi tức dự kiến (*) | Cổ tức 2024 (đã trả) | Giá CP | KLGD 1 phiên | Quy mô LNTT 2025 | Tăng trưởng LNTT 2025 (YoY) |
|-----|-------|--------|---------------------|----------------------|--------|--------------|------------------|-----------------------------|
| 1 | VEA | UPCOM | 13% | 47% | 35.500 | 984.500 | 7.599 | 0% |
| 2 | SCS | HOSE | 11% | 60% | 53.600 | 285.500 | 940 | 20% |
| 3 | SAB | HOSE | 10% | 50% | 48.750 | 1.886.100 | 5.652 | 0% |
| 4 | QTP | UPCOM | 10% | 12% | 12.600 | 412.000 | 1.351 | 96% |
| 5 | MSH | HOSE | 9% | 35% | 37.700 | 1.345.600 | 818 | 50% |
| 6 | TNG | HNX | 9% | 20% | 21.200 | 4.323.500 | 484 | 24% |
| 7 | CHP | HOSE | 8% | 22% | 27.150 | 16.500 | 487 | 47% |
| 8 | DPM | HOSE | 6% | 15% | 24.700 | 6.412.400 | 1.353 | 102% |
| 9 | VNM | HOSE | 6% | 44% | 69.100 | 6.695.900 | 11.650 | 0% |

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | | Hiệu suất so với đầu năm | | | Câu chuyện |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|--------------------------|-------------|------|----------------|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB | Giá hiện tại | Giá đầu năm | % | |
| VCB | (399) | 164 | (235) | 16% | 13% | 83.557 | 14,8 | 2,3 | 62.000 | 57.100 | 9% | Nâng hạng FTSE |
| BID | (382) | (16) | (398) | 18% | 31% | 72.801 | 9,7 | 1,6 | 42.000 | 38.450 | 9% | Nghị quyết 79 |
| CTG | 157 | (171) | (15) | 22% | 25% | 77.669 | 7,1 | 1,4 | 34.800 | 35.500 | -2% | Nghị quyết 79 |
| TCB | 1.005 | (94) | 911 | 15% | 10% | 70.862 | 8,2 | 1,2 | 32.750 | 34.230 | -4% | Nghị quyết 68 |
| VPB | 588 | (47) | 541 | 16% | 35% | 79.339 | 8,1 | 1,1 | 27.100 | 27.413 | -1% | Nghị quyết 68 |
| HDB | 789 | (1) | 788 | 24% | 28% | 50.053 | 7,3 | 1,5 | 25.900 | 28.950 | -11% | Nghị quyết 68 |
| TCX | 62 | (115) | (52) | 14% | 21% | 23.116 | 20,3 | 2,6 | 42.000 | 37.758 | 11% | Làn sóng IPO |
| VCI | (173) | (90) | (263) | 9% | 12% | 11.476 | 19,0 | 1,5 | 24.650 | 24.617 | 0% | Nâng hạng FTSE |

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | | Hiệu suất so với đầu năm | | | Câu chuyện |
|-------------|----------------------------------|-----------------|---------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|--------------------------|-------------|------|----------------------|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB | Giá hiện tại | Giá đầu năm | % | |
| FPT | (1.968) | (199) | (2.166) | 27% | 20% | 17.035 | 13,2 | 3,2 | 71.600 | 93.709 | -24% | Nghị quyết 68 |
| HPG | 768 | (550) | 219 | 16% | 3% | 76.755 | 9,6 | 1,4 | 24.000 | 23.163 | 4% | Nâng hạng FTSE |
| PVS | 19 | 13 | 31 | 13% | 31% | 5.114 | 10,7 | 1,2 | 39.000 | 35.500 | 10% | Phát hiện mỏ dầu mới |
| PVD | (68) | (50) | (118) | 7% | -224% | 5.563 | 14,8 | 1,0 | 30.500 | 29.100 | 5% | Phát hiện mỏ dầu mới |
| PNJ | 13 | 39 | 52 | 28% | 31% | 3.413 | 6,1 | 1,5 | 65.800 | 97.553 | -33% | Nghị quyết 68 |
| VNM | 55 | 16 | 71 | 28% | 1% | 20.900 | 12,1 | 3,4 | 59.200 | 60.300 | -2% | Nâng hạng FTSE |
| MSN | (710) | 111 | (599) | 18% | 18% | 14.459 | 22,1 | 2,4 | 74.700 | 76.800 | -3% | Nâng hạng FTSE |
| MWG | (998) | 62 | (935) | 25% | 525% | 14.697 | 14,3 | 3,3 | 76.300 | 87.400 | -13% | Nghị quyết 68 |

4. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2026

Danh sách cổ phiếu tiềm năng cho chiến lược đầu tư năm 2026

| Mã cổ phiếu | Dòng tiền theo cổ phiếu (1 tuần) | | | ROE | Tăng trưởng LNST TB 4 năm | Vốn điều lệ | Định giá | | Hiệu suất so với đầu năm | | | Câu chuyện |
|-------------|----------------------------------|-----------------|-------|-----|---------------------------|-------------|----------|-----|--------------------------|-------------|-----|---------------------------|
| | Dòng tiền nội | Dòng tiền ngoại | Tổng | | | | PE | PB | Giá hiện tại | Giá đầu năm | % | |
| BSR | 547 | (120) | 428 | 21% | 192% | 50.073 | 11,4 | 2,2 | 29.750 | 16.250 | 83% | Nghị quyết 79 |
| IDC | 45 | (17) | 28 | 28% | 70% | 3.795 | 8,9 | 1,9 | 43.400 | 36.000 | 21% | FDI & BĐS Khu công nghiệp |
| MBB | 199 | (31) | 168 | 21% | 20% | 80.550 | 7,1 | 1,3 | 25.000 | 25.350 | -1% | Ngân hàng |
| ACB | 3.076 | 8 | 3.084 | 17% | 14% | 51.367 | 7,2 | 1,2 | 24.900 | 24.000 | 4% | Nghị quyết 68 |
| VHM | (41) | (424) | (465) | 26% | 5% | 41.074 | 9,9 | 2,3 | 156.000 | 132.600 | 18% | Bất động sản |
| CTD | (132) | (49) | (181) | 9% | 169% | 1.140 | 9,3 | 0,8 | 71.800 | 71.043 | 1% | Đầu tư công |
| GEX | (452) | (5) | (457) | 11% | 78% | 9.024 | 19,1 | 0,9 | 32.100 | 28.272 | 14% | Nâng hạng FTSE |

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được xây dựng bởi Khối Phân tích của Chứng khoán ASEAN (ASEANSC Research).

Báo cáo này bao gồm các nhận định chủ quan và dựa trên nguồn thông tin tin cậy và cơ sở phân tích chi tiết, cẩn trọng. ASEANSC không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ một cách tuyệt đối của các nguồn thông tin, đồng thời báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào.

Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các quyết định đầu tư của chính mình.

Các quan điểm và ước tính trong báo cáo của chúng tôi có giá trị đến ngày công bố báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước. ASEANSC giữ bản quyền của báo cáo này. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của ASEANSC đều trái luật.

Head Office

4th-7th Floors, No. 3 Dang Thai Than, Cua Nam Ward, Hanoi City

Branch

2nd Floor, No. 77-79 Pho Duc Chinh, Ben Thanh Ward, HCMC

T 1900 638 088

E cskh@aseansc.com.vn

W aseansc.com.vn



**Trung tâm
Dữ liệu &
phân tích thị trường**